

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2000-2017

NGUYỄN THỊ LÝ

Trường THPT Nam Hà, Biên Hòa, Đồng Nai

Email: ntly1207@gmail.com

Tóm tắt: Quá trình công nghiệp hóa ở Đồng Nai diễn ra rất nhanh đã tác động rất lớn đối với các quá trình dân số ở Đồng Nai. Do vậy, tác giả đã vận dụng các phương pháp về thống kê, điều tra xã hội học và phương pháp đánh giá tác động để nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển công nghiệp với các quá trình dân số. Kết quả của nghiên cứu này đã xác định được công nghiệp hóa là nguyên nhân chủ yếu làm cho dân số Đồng Nai trong thời gian vừa qua có nhiều biến động. Trên cơ sở phân tích tác động của công nghiệp hóa đối với dân số, bài viết đã đề xuất được các giải pháp nhằm tối ưu hóa các tác động này.

Từ khóa: Công nghiệp hóa, gia tăng dân số, Đồng Nai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tốc độ công nghiệp hóa của tỉnh Đồng Nai tăng nhanh trong những năm qua. Quá trình này đã tác động lớn đến sự thay đổi về dân số Đồng Nai. Biến động dân số ảnh hưởng đến kinh tế xã hội và môi trường. Vì vậy, nghiên cứu tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2017 có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chiến lược kinh tế của tỉnh trong thời gian tới.

2. CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2000-2017

2.1. Công nghiệp hóa tỉnh Đồng Nai

Tiềm năng phát triển công nghiệp ở Đồng Nai là rất lớn. Hiện Đồng Nai được quy hoạch 35 khu công nghiệp và 27 cụm công nghiệp. Trong đó, có 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút hơn 1.200 dự án đầu tư nước ngoài và gần 500 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh đạt trên 28 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu của Đồng Nai mỗi năm đều tăng trên 11% và sản phẩm công nghiệp của Đồng Nai đã xuất khẩu vào hơn 170 quốc gia, vùng lãnh thổ [4].

Các KCN của tỉnh đã thu hút 518.864 người, trong đó, lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong nước 33.047 lao động, chiếm 6,4%, lao động tại các doanh nghiệp FDI 485.817 người, chiếm 93,6% tổng số lao động; lao động ngoài tỉnh chiếm 60,9%; lao động nước ngoài 5.883 người. Các KCN trên địa bàn Tp. Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch và huyện Trảng Bom đã thu hút một lượng lao động làm việc rất lớn, khoảng gần 413.000 lao động, chiếm gần 80% tổng số lao động làm việc trong các KCN [6].

Qui mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2010-2017 tăng bình quân 12%/năm, thấp hơn so với giai đoạn 5 năm 2006-2010 (tăng bình quân 13,5%/năm). Trong đó: ngành công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 12,2%; ngành dịch vụ tăng bình quân 14,4%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 3,5%. Mức tăng trưởng bình quân tuy thấp hơn giai đoạn trước nhưng vẫn đạt mức cao trong điều kiện kinh tế thế giới suy thoái ảnh hưởng đến kinh tế trong nước và trong tỉnh.

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: %

Khu vực kinh tế	Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm (theo giá so sánh 1994)			
	2000	2005	2010	2017
Tổng GRDP	10,6	8,3	7,5	7,65
Nông lâm thủy sản	5,2	3,0	3,4	3,1
Công nghiệp - Xây dựng	19,9	8,7	9,5	8,17
Dịch vụ	7,2	18,4	28,1	38,0

Nguồn: Tính toán từ [1][7]

Tốc độ tăng trưởng kinh tế theo nhóm ngành có sự khác nhau, giai đoạn 2000-2017 tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản giảm từ 5,2% năm 2000 giảm xuống 3,1% năm 2017, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng giảm nhanh, tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ tăng nhanh. Trong giai đoạn 2000-2017, tốc độ tăng trưởng cao nhất là nhóm ngành dịch vụ, tiếp theo là công nghiệp - xây dựng. Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng giảm nhanh trong giai đoạn này vì chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế (vì trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, các ngành có vốn FDI chiếm tỉ trọng cao), trong khi ngành dịch vụ phát triển mạnh mẽ phát huy được thế mạnh và sẽ là ưu thế của nền kinh tế trong tương lai.

So với các tỉnh thành khác trong khu vực ĐNB thì Đồng Nai đứng thứ hai về tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2017 đạt 571.550 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 12,5% so năm 2014 và gấp 1,8 lần so năm 2010 (325.690 tỷ đồng). Bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 12%/năm. Ngành chế biến, chế tạo tăng 9,21%, ngành sản xuất phân phối điện tăng 4,61%. Các ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển, các chỉ số sản xuất tăng trưởng khá cao như giấy da, may mặc, hóa chất, điện tử.

Bảng 2. Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2017

Năm	2000	2010	2015	2017
GTSX (tỷ đồng)	17.992	341.232	571.550	646.854
Tỷ lệ tăng so với năm trước (%)	17,11	34,21	10,87	6,38

Nguồn: [1][7]

Quy về giá so sánh 1994, GTSX công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2017 đạt 646.854 tỷ đồng, tăng 13,5% so năm 2010 và gấp 2 lần so năm 2010. Bình quân giai đoạn 2000-2017 tăng 23,4%/năm (mục tiêu kế hoạch của ngành tăng 16%/năm). Mức tăng cao hơn mục tiêu đề ra và cao hơn mức tăng chung của cả nước.

Phát triển kinh tế đòi hỏi không những tăng trưởng kinh tế mà còn cả dịch chuyển cơ cấu của nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá dẫn đến dịch chuyển cơ cấu lao động. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng, tỉ trọng ngành công nghiệp - xây dựng giữ ổn định, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng lên, ngành nông lâm nghiệp và thủy sản giảm dần.

Bảng 3. Cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: %

	2000	2005	2010	2015	2017
Nông lâm ngư nghiệp	24,6	15,0	7,5	5,6	8,8
Công nghiệp - Xây dựng	56,8	57,0	57,3	56,7	59,7
Dịch vụ	18,6	28,0	35,2	37,7	31,5

Nguồn: [1]

Từ bảng 3, ta thấy sự thay đổi mạnh mẽ giữa ba khu vực kinh tế, chủ yếu là khu vực công nghiệp và xây dựng, luôn chiếm hơn một nửa và tăng dần qua các năm trong cơ cấu kinh tế. Điều này là hợp lý vì định hướng phát triển kinh tế của Đồng Nai đến năm 2030 là CN - DV - NN [6]. Trong đó, phải ghi nhận sự tăng trưởng nhanh của ngành công nghiệp - xây dựng (chiếm hơn 50% trong tổng cơ cấu). Khu vực II tốc độ tăng tương đối đều trong những năm qua, vì Đồng Nai là một tỉnh có giá trị công nghiệp cao trong vùng chỉ sau Tp.HCM. Khu vực III có mức độ tăng trưởng nhanh do thị trường thương mại được mở rộng. Các lĩnh vực thuộc khu vực I có sự tăng giảm không đều, một phần do ảnh hưởng của thời tiết, những diễn biến cực đoan thất thường của thời tiết làm ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất ngành nông nghiệp, chi phí vật tư nông nghiệp, biến động giá cả sản phẩm nông nghiệp.

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế, trong những năm tới, Đồng Nai vẫn là nơi thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt khi Cảng hàng không quốc tế Long Thành cùng các đường cao tốc được xây dựng và đi vào khai thác thì Đồng Nai sẽ là đầu mối giao thông của khu vực phía Nam. Vì thế, rất nhiều doanh nghiệp muốn đến tỉnh Đồng Nai đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và những lĩnh vực khác.

2.2. Tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai

2.2.1. Tác động đến qui mô dân số

Qui mô dân số của tỉnh Đồng Nai năm 2017 là 3.027,3 nghìn người. Từ năm 2000 đến 2010 dân số của tỉnh tăng khoảng hơn 500 nghìn người (2.042,2 nghìn người so với 2.596,4 nghìn người) và từ năm 2000 đến 2017 tăng gần một triệu người. Trong giai đoạn 2000-2010 tốc độ gia tăng dân số trung bình 2,35%, giai đoạn 2010-2017 tốc độ là 2,36% và giai đoạn 2000-2017 tốc độ tăng là 2,34%. Như vậy, tốc độ tăng dân số của tỉnh luôn ở mức tăng trên 2%, chỉ sau Bình Dương và TP HCM.

Bảng 4. Quy mô dân số và tốc độ tăng dân số của các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2000-2017

Năm	Dân số (nghìn người)			Tốc độ tăng dân số bình quân (%)		
	2000	2010	2017	2000 - 2010	2010 - 2017	2000 - 2017
Đồng Nai	2.042,2	2.569,4	3.027,3	2,35	2,36	2,34
Tp. Hồ Chí Minh	5.226,1	7.394,4	8.643,0	3,53	2,25	3,0
Bình Dương	742,8	1.659,1	2.051,9	8,37	3,08	6,16
Bà Rịa - Vũng Tàu	822,0	1.022,5	1.098,8	2,21	1,03	1,72
Tây Ninh	976,3	1.082,0	1.118,0	1,03	0,47	0,80
Bình Phước	684,6	897,3	965,8	-0,92	1,06	-0,11
Toàn vùng	10.491,2	14.799,6	16.904,8	3,50	1,92	2,85

Nguồn: Tính toán từ [7]

Bảng 5. Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo huyện, thị, thành phố tỉnh Đồng Nai năm 2017

Đơn vị hành chính	Diện tích		Dân số		Mật độ
Đơn vị	Km ²	%	Nghìn người	%	Người/km ²
TP Biên Hòa	263,52	4,47	1.005,64	33,2	3.816,17
Thị xã Long Khánh	191,75	3,25	150,38	5,0	784,24
Huyện Tân Phú	775,96	13,16	168,77	5,6	217,50
Huyện Vĩnh Cửu	1.090,87	18,5	152,63	5,0	139,91
Huyện Định Quán	971,35	16,47	212,18	7,0	218,44
Huyện Trảng Bom	325,41	5,52	307,12	10,1	943,79
Huyện Thống Nhất	248,00	4,21	165,27	5,5	666,41
Huyện Cẩm Mỹ	464,45	7,88	155,28	5,1	334,33
Huyện Long Thành	430,79	7,3	236,76	7,8	549,59
Huyện Xuân Lộc	724,86	12,29	240,98	8,0	332,45
Huyện Nhơn Trạch	410,78	6,97	232,31	7,7	565,53
Toàn tỉnh	5.897,75	100	3.027,32	100	513,30

Nguồn: [1]

Qua bảng 4, ta thấy trong vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2000-2017 cùng với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai có quy mô dân số tăng rất nhanh, chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh, nhưng tỉ trọng dân số giảm nhẹ. Năm 2017, dân số của tỉnh chiếm tỉ lệ 18% dân

số vùng ĐNB, qui mô dân số chỉ thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh, còn lại cao hơn các tỉnh khác trong vùng.

Qui mô dân số trong tỉnh phân hóa theo đơn vị hành chính. Số dân lớn, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu dân số toàn tỉnh thuộc các đơn vị hành chính như: thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, thị xã Long Khánh, huyện Xuân Lộc lần lượt chiếm 33,2%, 10,1%, 5% và 8,0% dân số toàn tỉnh. Bốn đơn vị hành chính này chiếm 25,6% diện tích toàn tỉnh nhưng tập trung 56,3% dân số, các huyện này nằm trên trục đường Quốc lộ 1. Các huyện phía bắc của tỉnh bao gồm huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán, huyện Thống Nhất và huyện Tân Phú chiếm 52,4% diện tích nhưng lại chỉ chiếm 23,1% dân số, các huyện phía Nam của tỉnh như huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch và huyện Cẩm Mỹ chiếm 22,2% diện tích và dân số chiếm 22,6% dân số toàn tỉnh.

Khu vực trung tâm của tỉnh là nơi dân cư tập trung nhiều là do nằm trên trục đường Quốc lộ 1, và là nơi có nhiều các KCN tập trung, vị trí địa lý thuận lợi, giao thông vận tải thuận tiện. Trong thời gian gần đây, do mở rộng sản xuất các khu công nghiệp cộng với vị trí thuận lợi nên huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch có qui mô dân số tăng nhanh.

2.2.2. Tác động đến gia tăng dân số

Gia tăng tự nhiên

Bảng 6. Tỉ suất gia tăng tự nhiên tỉnh Đồng Nai, vùng ĐNB và cả nước, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: %

Năm	2000	2005	2010	2015	2017
Đồng Nai	1,35	1,27	1,23	1,15	1,13
Vùng ĐNB	1,32	1,29	1,06	1,0	0,8
Cả nước	1,3	1,2	1,03	1,03	0,81

Nguồn [1][7]

Bảng 7. Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số Đồng Nai phân theo đơn vị hành chính, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: %

Đơn vị hành chính	2000	2010	2017
TP Biên Hòa	1,26	1,19	1,16
Thị xã Long Khánh	1,47	1,13	1,17
Huyện Tân Phú	1,70	1,17	1,15
Huyện Vĩnh Cửu	1,44	1,18	1,17
Huyện Định Quán	1,58	1,16	1,15
Huyện Trảng Bom	--	1,29	1,25
Huyện Thống Nhất	1,57	1,10	1,15
Huyện Cẩm Mỹ	--	1,13	1,13
Huyện Long Thành	1,31	1,13	1,13

Huyện Nhơn Trạch	1,47	1,16	1,14
Toàn tỉnh	1,43	1,19	1,13

Nguồn: [1]

Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số của tỉnh có xu hướng giảm do mức sinh giảm, năm 2000 tỉ suất gia tăng tự nhiên cao hơn mức trung bình của cả nước và vùng ĐNB. Tỉ suất gia tăng tự nhiên của tỉnh luôn cao hơn mức trung bình của cả nước và vùng ĐNB, chứng tỏ rằng, qui mô dân số của Đồng Nai tăng nhanh hơn so với ĐNB và cả nước. Năm 2000, tỉ suất gia tăng tự nhiên đạt 1,35%, sau các năm tỉ suất gia tăng tự nhiên có giảm lần lượt là 1,27%, 1,23%, 1,15% và 1,13% lần lượt cho các năm 2005, 2010, 2015 và 2017. Mặc dù, tỉ suất gia tăng tự nhiên của tỉnh có giảm nhưng vẫn luôn cao hơn vùng ĐNB và cả nước.

Tỉ suất gia tăng tự nhiên phân theo khu vực hành chính không có sự khác biệt lớn và cũng giảm dần trong giai đoạn 2000-2017. Tỉ suất gia tăng tự nhiên cao thuộc về thành phố Biên Hòa.

Có được kết quả trên là nhờ vào chính sách phát triển KT - XH của tỉnh, nhất là của công tác kế hoạch hóa gia đình, những thành tựu về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu... Những đơn vị hành chính có điều kiện sống, mức thu nhập và sự hưởng thụ nhiều hơn các phúc lợi về y tế, giáo dục, truyền thông... thì gia tăng tự nhiên giảm đáng kể (Thành phố Biên Hòa, TX.Long Khánh, Trảng Bom...)

Gia tăng cơ học

Với chính sách CNH - HĐH, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nhiều KCN được hình thành và nâng cao chất lượng đã và đang thu hút hàng nghìn lao động đổ về từ khắp nơi trên cả nước đến sinh sống và làm việc. Chính vì vậy, tỉ lệ gia tăng cơ học của tỉnh khá cao, cao hơn cả gia tăng tự nhiên và góp phần vào việc tăng dân số của tỉnh, nhất là từ năm 2000 đến nay.

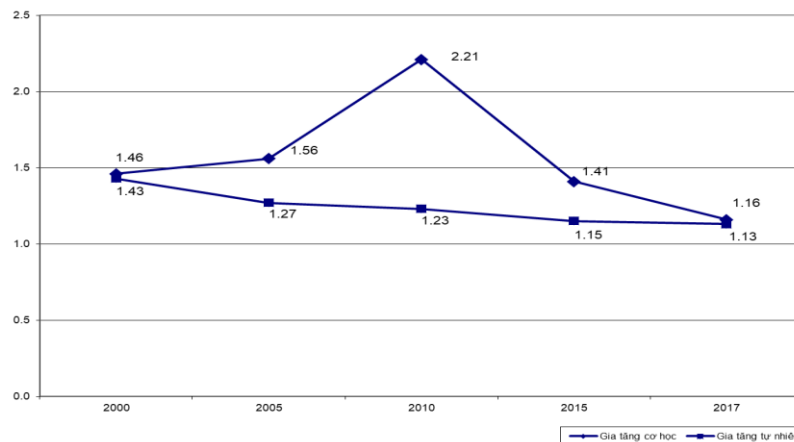
Từ hình 1 cho thấy trong giai đoạn 2000-2017, tỉ suất gia tăng cơ học của Đồng Nai có sự biến động lớn, tỉ suất gia tăng cơ học luôn cao hơn tỉ suất gia tăng tự nhiên (tỷ suất gia tăng tự nhiên năm 2000 là 1,43% so với tỷ suất gia tăng cơ học năm 2000 là 1,46%), đặc biệt là năm 2010 tỉ suất gia tăng cơ học tăng vượt trội 2,21%, gần gấp đôi tỉ suất gia tăng tự nhiên, do thời điểm này Đồng Nai bắt đầu tách các đơn vị hành chính như huyện Thống Nhất tách làm 3 huyện: Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất nên việc hoàn thiện các cơ sở hạ tầng nhằm thu hút thêm các nguồn vốn để xây dựng các cụm CN, KCN, và đến giai đoạn 2015 - 2017 tỉ suất tăng cơ học đã dần ổn định phù hợp với chủ trương của tỉnh là nâng cao chất lượng nguồn lao động nhằm phát triển CN theo chiều sâu. Cộng thêm chính sách phát triển công nghiệp của các địa phương khác trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh có lượng nhập cư vào Đồng Nai lớn như các tỉnh miền Trung, hiện nay cũng phát triển công nghiệp tương đối nên lượng nhập cư vào tỉnh nhà có chiều hướng giảm.

Mặc dù, trong những năm gần đây tỉ suất gia tăng cơ học giảm nhưng vẫn cao hơn gia tăng tự nhiên.

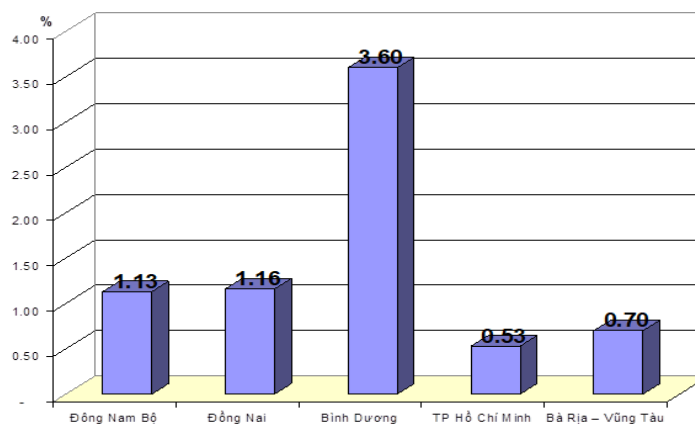
Nguyên nhân chính là do sự phát triển của các ngành CN trên địa bàn tỉnh và sự đi vào hoạt động của các KCN, chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã thu hút được rất lớn nguồn lao động ngoại tỉnh đến Đồng Nai để làm việc, khiến cho gia tăng cơ học tăng nhanh chóng. Vào năm 2000, lao động ngoại tỉnh chỉ chiếm 30% lao động đang làm việc thì đến năm 2005 đã tăng lên là 42% và đến năm 2015 thì tỉ lệ này đã đạt 56% lao động trong các ngành công nghiệp [6].

Nguyên nhân chính thu hút lao động nhập cư vào Đồng Nai là để tìm kiếm việc làm, tạo điều kiện ổn định cuộc sống, môi trường thuận lợi, khí hậu ổn định, dễ chịu, giao thông thuận lợi và gần trung tâm kinh tế lớn là thành phố Hồ Chí Minh, chính sách an sinh xã hội dành cho người nhập cư được ưu đãi: nhà ở thu nhập thấp, trợ cấp khó khăn, hỗ trợ người lao động về quê ăn tết vào dịp tết âm lịch và cũng chính là lí do thu hút người nhập cư lớn vào Đồng Nai giai đoạn đầu thế kỉ 21.

Nhưng từ đầu năm 2010, tỉ lệ gia tăng cơ học đã đi vào ổn định, nguồn lao động tại chỗ cũng đáp ứng phần nào nhu cầu thiếu lao động của địa phương.



Hình 1. Tỉ suất gia tăng cơ học và gia tăng tự nhiên giai đoạn 2000-2017



Hình 2. Tỉ suất gia tăng cơ học của một số tỉnh, thành trong vùng ĐNB năm 2017

Mặc dù tỉ lệ gia tăng cơ học đang dần ổn định so với các tỉnh khác trong vùng ĐNB, nhưng trong những năm gần đây tỉ suất gia tăng cơ học của tỉnh vẫn cao. Năm 2017, tỉ lệ gia tăng cơ học của Đồng Nai chỉ sau Bình Dương và cao hơn của ĐNB, gấp 3 lần so với Thành phố Hồ Chí Minh, gấp đôi Bà Rịa - Vũng Tàu. Điều này cho thấy mặc dù tỉ lệ gia tăng cơ học của tỉnh đã đi vào ổn định nhưng vẫn cao hơn một số tỉnh trong vùng.

Tỉ suất gia tăng cơ học của tỉnh cũng có sự khác nhau giữa các đơn vị hành chính. Các đơn vị hành chính dọc theo Quốc lộ có mức gia tăng cơ học cao hơn các huyện vùng cao. Chính việc xây dựng các KCN dọc theo các trục đường chính cũng đã phần nào phản ánh mức độ tăng dân số cơ học của địa phương. Những khu vực này thuận lợi về cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý thuận lợi (rất gần với Tp.HCM), phát triển mở rộng không gian đô thị (từ thị xã lên thành phố, từ huyện lên thị xã), đặc biệt là các huyện gần Tp.HCM như Tp. Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom. Năm 2005 Tp. Biên Hòa có mức tăng cơ học cao nhất cả tỉnh (18,34%), kế đến là Trảng Bom (15,67%). Ở các huyện phía tây bắc dọc quốc lộ 20 có mức tăng cơ học thấp hơn và phân hóa khá rõ. Năm 2005, trong khi Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc là những huyện có kinh tế chính là nông nghiệp, xa Tp.HCM có tỉ suất tăng cơ học dưới 5% thì Biên Hòa, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch trên 10%. Nguyên nhân chính là do sự phát triển mạnh mẽ của KCN, các ngành CN đã tăng vọt cả về số lượng và chất lượng, cộng với việc thành phố Biên Hòa mở rộng địa giới hành chính về phía Nam, rất nhiều các KCN mới được đưa vào sử dụng ở Nhơn Trạch và Long Thành đã tạo ra lực hút lớn đối với nguồn lao động nhập cư, khiến cho gia tăng cơ học của các huyện này tăng nhanh.

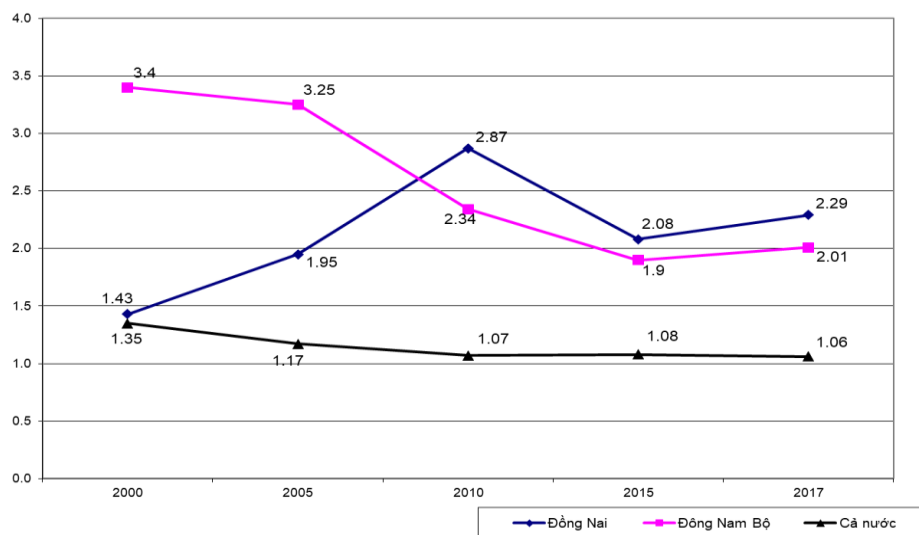
Bảng 8. Tỉ suất gia tăng cơ học phân theo đơn vị hành chính, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị hành chính	2000	2010	2017
TP Biên Hòa	1,87	2,83	1,23
Thị xã Long Khánh	1,34	2,35	1,6
Huyện Tân Phú	1,0	1,93	1,0
Huyện Vĩnh Cửu	1,0	1,68	1,10
Huyện Định Quán	1,51	1,76	1,0
Huyện Trảng Bom	--	2,96	1,28
Huyện Thống Nhất	1,9	2,73	1,15
Huyện Cẩm Mỹ	--	2,78	1,11
Huyện Long Thành	1,62	2,0	1,26
Huyện Nhơn Trạch	1,28	2,23	1,16
Huyện Xuân Lộc	1,59	1,27	0,9
Toàn tỉnh	1,46	2,21	1,16

Nguồn: [1]

Đến năm 2017, tỉ lệ gia tăng cơ học của các huyện, thị đã tương đối ổn định do sự hoạt động của các KCN đã ổn định. Riêng các huyện, thị nằm ven trục đường quốc lộ có mức tăng cơ học cao so với các huyện khác như Biên Hòa, Trảng Bom, Thống Nhất, Long Khánh, Xuân Lộc.

Gia tăng dân số



Hình 3. Tỷ suất gia tăng dân số tỉnh Đồng Nai, vùng ĐNB và cả nước giai đoạn 2000-2017

Hình 3 cho thấy giai đoạn 2000-2017 Đồng Nai có tỷ suất tăng dân số giảm dần nhưng vẫn cao hơn mức trung bình của ĐNB và cả nước. Nguyên nhân chính là do gia tăng cơ học.

Tỷ suất tăng dân số cũng có sự phân hóa giữa các đơn vị hành chính trong tỉnh. Các huyện có tỷ lệ gia tăng dân số cao là Tp. Biên Hòa, huyện Trảng Bom, Huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch - vốn là các huyện có tỷ lệ gia tăng cơ học cao. Đặc biệt Tp. Biên Hòa và huyện Trảng Bom có tỷ lệ tăng dân số cao nhất, sau đó đến Long Thành, Nhơn Trạch, đây là kết quả hiển nhiên khi chính sách mở rộng và thành lập các KCN ở các khu vực này. Đặc biệt là việc mở rộng địa giới hành chính Tp. Biên Hòa đã phần nào thúc đẩy sự CNH - HĐH càng nhanh, tạo lực hút mạnh các luồng di cư về đây sinh sống và làm việc.

Trong khi đó các huyện khác thì có tỷ lệ tăng dân số thấp hơn. Cùng với sự giảm dần của gia tăng dân số trên địa bàn tỉnh thì tỷ suất gia tăng dân số của các đơn vị hành chính cũng giảm theo, nguyên nhân chủ yếu là sự giảm của tỷ suất gia tăng cơ học.

2.2.3. Tác động đến mật độ dân số và tỷ lệ dân thành thị

Mật độ dân số

Thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, thị xã Long Khánh có qui mô dân số lớn và đồng thời có mật độ dân số cao nhất trong tỉnh. Trong giai đoạn 2000-2017, Tp. Biên Hòa có mật độ dân số cao nhất (năm 2000 là 3.198 người/km² gấp hơn 10 lần mật độ dân số trung bình của tỉnh, đến năm 2017 là 3.816,17 người/km² gấp gần 8 lần mật độ dân số của tỉnh), tiếp theo là TX. Long Khánh và huyện Trảng Bom. Các đơn vị hành chính có mật độ dân số thấp là huyện Vĩnh Cửu, huyện Tân Phú và huyện Định Quán.

Theo thời gian, mật độ dân số trung bình của tỉnh và các đơn vị hành chính đều tăng lên tương ứng với sự gia tăng về qui mô dân số. Mật độ dân số tăng nhanh ở những đơn vị hành chính có tỉ lệ gia tăng cơ học cao như Tp. Biên Hòa, TX. Long Khánh, huyện Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch (mật độ dân số năm 2000 đến 2017 của Tp. Biên Hòa tăng nhẹ là do thành phố mở rộng địa giới hành chính vào năm 2010). Các đơn vị hành chính còn lại có tốc độ tăng mật độ dân số thấp hơn vì là huyện thuần nông, ít lao động nhập cư, dân số tăng chủ yếu là do gia tăng tự nhiên.

Bảng 9. Mật độ dân số phân theo đơn vị hành chính, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: người/km²

Đơn vị hành chính	2000	2010	2017
Toàn tỉnh	356	434,9	513
TP Biên Hòa	3.198	3.111,8	3.816,17
Thị xã Long Khánh	419	692,4	784,24
Huyện Tân Phú	216	204,0	217,5
Huyện Vĩnh Cửu	96	118,8	139,91
Huyện Định Quán	216	203,4	218,44
Huyện Trảng Bom	--	797,0	943,79
Huyện Thống Nhất	606	613,4	666,41
Huyện Cẩm Mỹ	--	304,2	334,33
Huyện Long Thành	367	459,3	549,59
Huyện Nhơn Trạch	272	409,4	565,53

Nguồn: [1]

Tỉ lệ dân thành thị

Theo số liệu thống kê của tỉnh Đồng Nai, dân số thành thị năm 2017 là 1.069,0 nghìn người, chiếm 35,3% dân số toàn tỉnh, cao hơn tỉ lệ dân thành thị của cả nước là 33,4%, thấp hơn tỉ lệ dân thành thị của ĐNB là 65,1%. So với các tỉnh thành thị Đồng Nai có tỉ lệ dân thành thị tương đối thấp.

Bảng 10. Cơ cấu dân số thành thị và nông thôn của cả nước, vùng ĐNB và các tỉnh thành trong vùng ĐNB năm 2017

Đơn vị: %

	Cả nước	Vùng ĐNB	Đồng Nai	TP. HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bình Phước	Tây Ninh
Thành thị	35,03	62,7	35,31	80,8	76,2	51,9	19,9	22,4
Nông thôn	64,97	37,3	64,69	19,2	23,8	48,1	80,1	77,6

Nguồn: [7]

Trong giai đoạn 2000-2017, dân số thành thị tỉnh Đồng Nai liên tục tăng (năm 2000 là 628 nghìn người, đến năm 2010 tăng lên 859,6 nghìn người và năm 2017 tăng lên 1.069,0 nghìn người, gấp rưỡi so với năm 2000). Tốc độ tăng dân thành thị không cao và tỉ lệ dân thành thị không cao so với các tỉnh khác trong khu vực ĐNB, tỉ trọng dân nông

thôn giảm. Dân số nông thôn tăng chủ yếu là do gia tăng tự nhiên, mà nông thôn có tỉ lệ tăng tự nhiên cao hơn thành thị nên dân số ở nông thôn tăng nhanh hơn. So với mặt bằng chung của vùng ĐNB, Đồng Nai có tốc độ tăng dân thành thị thấp không phải do quá trình đô thị hóa thấp mà do một số đơn vị hành chính đang dần hoàn thiện hồ sơ xin nâng cấp lên thị xã và thành phố (TX. Long Khánh, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành và huyện Trảng Bom).

Về tỉ lệ đô thị hóa theo các đơn vị hành chính, các đơn vị hành chính có tỉ lệ đô thị hóa cao thuộc về các đô thị trong tỉnh, cao nhất là Tp. Biên Hòa (100%), TX. Long Khánh (87%), huyện Trảng Bom (79%), Long Thành (78%), Nhơn Trạch (71%); các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc dân số đa số làm nông nghiệp, một bộ phận nhỏ dân số sống ở các thị trấn, thị tứ ven đường quốc lộ. Dự báo qui mô và tỉ trọng dân số đô thị sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới vì một số huyện đang phấn đấu nâng cấp lên thành phố và mục tiêu của Đồng Nai là trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

Tóm lại, dân số Đồng Nai trong những năm qua có nhiều biến động với đặc điểm nổi bật: qui mô ngày càng lớn và tăng nhanh chủ yếu do nhập cư, dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỉ trọng cao trong khi tỉ trọng người trên tuổi lao động thấp (6,1%), phân bố dân cư không đều giữa các đơn vị hành chính, tỉ trọng dân thành thị tăng.

3. GIẢI PHÁP DÂN SỐ

Từ thực trạng trên, Đồng Nai cần có những giải pháp phù hợp về dân số để phát triển kinh tế toàn diện và bền vững trong quá trình công nghiệp hóa.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động nhằm hướng tới hoàn thiện các khu công nghiệp chất lượng cao, tăng cường đào tạo nghề
- Mở rộng xuất khẩu lao động.
- Tiếp tục phát huy những thành tựu từ chính sách dân số có hiệu quả trong thời gian qua như các giải pháp dân số kế hoạch hóa gia đình, chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Phân bố dân cư phù hợp, cân đối giữa các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là các huyện có nền kinh tế chính là nông nghiệp.
- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với tăng nhu cầu về lao động một cách bền vững. Đồng thời tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp để giải quyết việc làm cho người thất nghiệp và người thiếu việc làm, cho các đối tượng yếu thế trong thị trường lao động
- Nâng cao chất lượng cuộc sống trong dân cư, giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho công nhân, cải thiện y tế, giáo dục, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, bảo vệ môi trường.

4. KẾT LUẬN

Dân số là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trải qua gần 20 năm tiến hành công nghiệp hóa, dân số Đồng Nai đã có những biến động đáng lưu ý. Vì vậy, tỉnh cần chú trọng đến vấn đề gia tăng dân số, phân bố dân cư, nâng cao hơn nữa chất lượng dân số, thu hút có chọn lọc nguồn lao động nhập cư để đạt được những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị mà tỉnh đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2000, 2006, 2011, 2016, 2018). *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2000, 2005, 2010, 2015, 2017*, Đồng Nai.
- [2] Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Đồng Nai (2017). *Báo cáo năm 2017 và kế hoạch 2018 ngành Lao động - Thương binh - Xã hội*.
- [3] Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (1996). *Dân số học và địa lý dân cư*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010). *Qui hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai đến năm 2020*, Đồng Nai.
- [5] Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010). *Qui hoạch phát triển đô thị tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2010-2020, tầm nhìn 2030*, Đồng Nai.
- [6] Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai (2016). *Báo cáo điều chỉnh tổng hợp qui hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến 2030*, Đồng Nai.
- [7] Website:
<http://www.gopfp.gov.vn> (Tổng cục dân số - Kế hoạch hóa gia đình).
http://gso.gov.vn/danhmuc/HTCT_QG.aspx (Tổng cục Thống kê).
<http://www.dongnai.gov.vn> (Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai).

Title: IMPACT OF INDUSTRIALIZATION ON CHANGES IN DONG NAI'S POPULATION IN THE PERIOD 2000-2017

Abstract: The rapid process of industrialization in Dong Nai has had a great impact on the population processes in Dong Nai. Therefore, the author has applied the methods of statistics, sociological surveys and impact assessment methods to study the relationship between industrial development and population processes. The results of this study have identified industrialization as the main cause of the recent changes in Dong Nai's population. Based on the analysis of the impact of industrialization on the population, the article has proposed solutions to optimize these effects.

Keywords: Industrialization, population increase, Dong Nai.